

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 22/2019/HNGĐ-ST

Ngày 18-10-2019.

V/v: “Ly hôn giữa chị T và anh P”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trường Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Phi Thường.

2. Ông Trần Đình Mạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Kiều Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện V.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa: Bà Trần Hoàng Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 78/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1995.

Nơi ĐKKHKT: T, thị trấn G, huyện V, tỉnh Nam Định.

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện V, tỉnh Nam Định.

- Bị đơn: Anh Trần Xuân P, sinh năm 1993.

Nơi ĐKKHKT (Nơi cư trú): T, thị trấn G, huyện V, tỉnh Nam Định

(Tại phiên tòa: Có mặt chị T; vắng mặt anh P).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Xuân P tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn G, huyện V, tỉnh Nam Định vào ngày 30-12-2015. Sau kết hôn vợ, chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được

03 năm thì bắt đầu phát sinh ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu Thuẫn do: Anh P có quan hệ nam nữ bất chính với người phụ nữ khác; mặc dù chị đã khuyên can anh quay về với gia đình và chú tâm làm ăn, nhưng anh P không nghe mà còn thường xuyên chửi bới, đánh đập chị. Ngoài ra vợ chồng chung sống với nhau đã lâu nhưng chưa có con, chị bảo anh P đi khám thì anh P tức giận, cầm ghế phang vào đầu và đuổi chị ra khỏi nhà vào ngày 20-01-2019; kể từ đó chị và anh P sống ly thân và chấm dứt quan hệ tình cảm vợ chồng với nhau. Chị về sống ở nhà bố mẹ đẻ ở Thôn Đ, xã Đ; còn anh P vẫn sinh sống ở nhà bố mẹ anh P ở T, thị trấn G. Nay chị xác định mâu Thuẫn của vợ, chồng chị đã kéo dài và trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không có; mặt khác chị cũng không còn tình cảm, tình nghĩa vợ chồng gì đối với anh P. Do đó chị đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho được ly hôn với anh P.

- Về con chung, về tài sản, công nợ và những vấn đề khác có liên quan: Vợ chồng chị không có và chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

* Tại biên bản lấy lời khai đương sự Trần Xuân P ngày 10-9-2019, anh P trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Trần Thị T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn G, huyện V, tỉnh Nam Định vào ngày 30-12-2015. Sau kết hôn vợ, chồng chung sống hòa Tận, hạnh Pc được một thời gian thì bắt đầu phát sinh ra mâu Thuẫn . Nguyên nhân mâu Thuẫn do: bất đồng quan điểm về công việc và sinh hoạt, anh đánh chị T vì chị T đòi đi xuất khẩu lao động nhưng anh không đồng ý. Kể từ đầu năm 2019, anh chị sống ly thân và chấm dứt quan hệ tình cảm với nhau. Anh đã gọi chị T về đoàn tụ nhưng chị T không đồng ý quay về. Nay chị T xin ly hôn anh thì anh đồng ý.

- Về con chung, tài sản, công nợ và những vấn đề khác có liên quan: anh chị không có và anh không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng.

- Về yêu cầu khởi kiện của đương sự: Căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Xử lý hôn giữa chị Trần Thị T và anh Trần Xuân P.

+ Về con chung, tài sản, công nợ và các nội dung khác: Đương sự không có và không đề nghị, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

+ Về án phí: Chị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh P đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn T, thị trấn G, huyện V, tỉnh Nam Định, nên Tòa án nhân dân huyện V thụ lý giải quyết vụ án dân sự về việc “Ly hôn” giữa chị T và anh P là đúng thẩm quyền. Tòa án đã tổng đạt cho anh P các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng anh P cố tình vắng mặt; anh P có nguyện vọng và đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Vì vậy căn cứ Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt anh P.

[2] Về nội dung: Chị Trần Thị T và anh Trần Xuân P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn G nên hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống chị T và anh P đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã sống ly thân mỗi người mỗi nơi, không còn quan tâm đến nhau. Tòa án đã nhiều lần thông báo, triệu tập, nhưng anh P không đến làm việc, chứng tỏ anh P đã có ý thức bỏ mặc, không muốn níu kéo tình cảm với chị T. Ngoài ra, tại biên bản lấy lời khai anh P đồng ý ly hôn với chị T. Nay chị T xác định vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ, nên Hội đồng chấp nhận yêu cầu khởi kiện giải quyết để chị T được ly hôn với anh P.

[3] Về con chung: Chị T và anh P không có và không đề nghị, nên Hội đồng không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung và những vấn đề khác có liên quan: Đương sự không có và không đề nghị, nên Hội đồng không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; chị T phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình:

1. Xử lý hôn giữa chị Trần Thị T và anh Trần Xuân P.

2. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trần Thị T phải nộp số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng); số tiền 300.000đ chị T đã nộp theo biên lai T tạm ứng án phí,

lệ phí Tòa án số BB/2012/09970 ngày 17-7-2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V được đối trừ. (Chị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm).

Chị Trần Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Xuân P có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền tự nguyện thi hành án, thỏa Tận thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- UBND thị trấn G;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Trường Nam